

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Tâm.
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm
Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-
HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ
ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị N, sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải tại tòa án nguyên
đơn chị Đào Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức C kết hôn năm 2017.
Trước khi kết hôn vợ chồng có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng chung
sống hòa thuận hạnh phúc. Nhưng sau đó do tính cách và quan điểm sống
của vợ chồng trái ngược nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.
Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2020 đến nay. Nay chị thấy tình
cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 05/8/2018. Khi ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu B và chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp: Chị Đào Thị N đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Đức C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Thị N kết hôn năm 2017. Trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Nhưng sau đó do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay chị N nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 05/8/2018.

Tại biên bản hòa giải và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/10/2020, anh C nhất trí khi ly hôn giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức B.

Ngày 30/10/2020 anh N có đơn xin thay đổi nội dung trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, về vay nợ chung, về công sức đóng góp: Anh C đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị N và anh Nguyễn Đức C.

Về con chung: Giao cho chị Đào Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 05/8/20218 kể từ tháng 12/2020 đến khi cháu B thành niên. Anh Nguyễn Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, vì chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Đức C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Nguyễn Đức C, trú tại: Khu 4, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đào Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Đức C được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N và anh C là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Đức C có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ ngày 29/12/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Chị N và anh C cũng đều thừa nhận trong quá trình chung sống do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn. Tại biên bản hòa giải và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/10/2020 chị N và anh C đều các định tình cảm vợ chồng không còn và cùng thuận tình ly hôn, tại đơn đề nghị ngày 30/10/2020 anh N có đơn xin thay đổi nội dung trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành nhưng anh chỉ thay đổi quan điểm về con chung ngoài ra về quan hệ hôn nhân anh C giữ nguyên quan điểm. Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Đức C đều xác định vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 05/8/2018. Khi ly hôn chị N đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức B và chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Thu nhập bình quân của chị N là 11.000.000đ/ 01 tháng. Tại biên bản hòa giải và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/10/2020, anh C nhất trí khi ly hôn giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức B nhưng ngày 30/10/2020 anh N có đơn xin thay đổi nội dung trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành.

Anh C đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Thu nhập bình quân của anh C là 8.000.000đ/01 tháng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã S có quan điểm đề nghị xem xét hiện nay cháu B chưa đủ 36 tháng tuổi nên để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức B. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu B còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ vì vậy để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt và sự phát triển của cháu cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức B là phù hợp. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N vì chị N không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Đức C đều thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị N và anh Nguyễn Đức C.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 05/8/20218 kể từ tháng 12/2020 đến khi cháu B thành niên. Anh Nguyễn Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, vì chị N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Đức C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ tiền án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0000431 của chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Phú Thọ.

5. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã S;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Việt Giang